

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-PT

Ngày 25-3-2024

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền với đất và di dời
tài sản trên đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiểm;

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐ-PT ngày 26/01/2024; Thông báo chuyển thời gian xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số 05/TB-TA, ngày 23/02/2024 của TAND tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Hà Văn L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Chu Thị Nguyễn P, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vy Thị L, sinh năm 1962. Vắng mặt

2. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1987. Vắng mặt

3. Chị Lý Thị H, sinh năm 1983. Vắng mặt

4. Chị Đỗ Thanh L, sinh năm 1993. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1995, trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vy Thị L, anh Đỗ Văn Đ, chị Lý Thị H, chị Đỗ Thanh L, chị Đỗ Thị H: Ông Đỗ Văn B, trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo văn quyền ngày 23/4/2023, 24/4/2023, 26/4/2023). Có mặt.

5. Chị Đỗ Thị Tú L, sinh năm 1990. Vắng mặt. Người đại diện hợp pháp là ông Đỗ Văn B, cùng trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1975. Vắng mặt. Người đại diện theo quỹ quyền của bà Hoàng Thị N1: Ông Hà Văn L, sinh năm 1973, cùng trú tại: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

8. Ủy ban nhân dân xã Bình P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn - Người đại diện theo pháp luật: Ông Linh Văn C, chức vụ: Chủ tịch UBND xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Đỗ Sỹ C. Vắng mặt

2. Bà Đỗ Thị K. Vắng mặt

3. Ông Đỗ Văn T. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Ông Hà Bình D, địa chỉ: Trung tâm điều dưỡng thương binh, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

5. Bà Hà Thị X, trú tại: Xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

6. Ông Hà Văn T1. Vắng mặt

7. Ông Hà Văn K. Có mặt.

8. Bà Hoàng Thị N2. Vắng mặt

9. Bà Hà Thị V. Vắng mặt

10. Ông Nông Văn G. Vắng mặt

11. Ông Nông Xuân H. Vắng mặt

12. Ông Nông Văn Q. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

13. Ông Chu Văn T. Có mặt.

14. Ông Chu Văn P. Vắng mặt

15. Ông Chu Văn D. Vắng mặt

16. Ông Chu Văn C. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Bản C, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

17. Bà Triệu Thị K. Vắng mặt

18. Ông Linh Văn T. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Chợ B, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

19. Ông Triệu Văn H. Vắng mặt

20. Bà Hoàng Thị N3. Vắng mặt

21. Ông Hoàng Văn T. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

22. Ông Chu Xuân N. Vắng mặt

23. Ông Chu Văn H. Vắng mặt

24. Ông Chu Văn L. Vắng mặt

25. Bà Phùng Thị S. Vắng mặt

26. Ông Chu Văn T. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Bản C D, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;

27. Ông Hà Văn T2. Có mặt.

28. Ông Triệu Văn T. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;

- *Người kháng cáo:* Ông Hà Văn L là bị đơn; bà Hoàng Thị N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đất tranh chấp có địa danh Lùng T C, thuộc Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có diện tích tranh chấp là $5.339,7m^2$, trong đó: Một phần diện tích S1 là $465,7m^2$ nằm trong thửa số 680; một phần diện tích S2 là $1281,8m^2$ nằm trong thửa số 679; một phần diện tích S3 là $3545,9m^2$ nằm trong thửa số 539 thuộc tờ bản đồ lâm nghiệp xã Xuân M (cũ); một phần diện tích S4 là $46,3m^2$ nằm trong thửa 539 đồng thời chồng đè lên thửa số 02 tờ bản đồ địa chính số 19 xã Bình P. Trên đất tranh chấp có 82 cây Hồi đường kính dưới 02cm do ông Hà Văn L trồng cuối năm 2022; 01 cây Bưởi đường kính 15cm là cây tự mọc. Ngoài ra có 01 cây Sau Sau đã bị chặt chỉ còn phần gốc; 01 cây Xoan to đã bị chặt chỉ còn phần gốc (đều đã chết) và cây bụi cây tạp không có giá trị.

Kết luận giám định bản đồ ngày 24/7/2023 của Giám định viên Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn xác định: “*Khu đất đang tranh chấp diện tích $5.339,7m^2$ trùng với một phần lô 78 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 xã Bình P, huyện V, trùng diện tích $405m^2$ kí hiệu S5, vị trí đỉnh điểm 2-G-K-M-1*

thuộc một phần lô đất lô 78 diện tích 4,8ha tờ bản đồ giao đất giao rừng xã Bình P (cũ), huyện V”.

Nguyên đơn ông Đỗ Văn B trình bày: Năm 1993 vợ chồng ông mua thửa đất với giá 8.000.000 đồng của vợ chồng ông Linh Văn G (vợ chồng ông bà Gioòng đều đã chết). Khi mua không có người làm chứng, không có giấy tờ, khi nhận chuyển nhượng bao gồm cả đất vườn và đất rừng liền kề rất rộng không biết diện tích bao nhiêu. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông quản lý, đến năm 1996 trồng ngô 02 năm, năm 1997 làm thủ tục kê khai cấp sổ bìa xanh và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V quyết định giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng tại quyết định số 365/UB-QĐ ngày 08/8/1998 đối với lô 78 diện tích 4,8ha tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Bình P năm 1998, nhưng chưa kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất). Lô 78 có các hướng tiếp giáp: Phía Đông giáp đất ông Chu Văn D trú tại thôn Bản C, xã Xuân M; phía tây giáp đất ông Nông V (đã chết) có con trai Nông Văn G, Nông Văn H canh tác; phía Nam giáp đất ông Hà H (đã chết) nay ông Hà Văn L canh tác, Bắc giáp đất ông Hà Văn K đều trú tại thôn Nà H, xã Bình P, huyện V. Gia đình ông Hoàng Văn L không có đất rừng tại khu vực đang tranh chấp. Đến năm 2005 có bà Hoàng Thị N3 xin trồng ngô sau đó lại bỏ. Năm 2010 ông Nông Văn B xin trồng ngô vài vụ. Sau khi được trả đất do nhà neo người nên không trồng cây gì nhưng vẫn quản lý. Năm 1997, 1998 trồng hồi phía trên, bên dưới đường mòn giáp chân núi đá hàng năm trồng ngô, đổ trên phần đất hiện nay tranh chấp, có cuốc rãnh hào và trồng hàng cây tre gai để rào vườn ngăn trâu bò, nhưng bị nhổ trộm và trâu bò phá hết, sự việc cũng được báo Trưởng thôn Vi Văn L (đã chết) nhưng thôn nói không biết ai nhổ nên không lập biên bản, được trồng khoảng 20 cây xoan nhưng đến nay chỉ có 01 cây to, có 01 cây bưởi tự mọc đã sai quả gia đình ông thu hái hằng năm. Mảnh đất đang tranh chấp giáp với mảnh vườn gia đình ông đang quản lý (thửa số 02) có 01 đường hào (rãnh) do ông đào để ngăn trâu bò vào phá hoa màu. Năm 2021 ông khai thác cây xoan lấy gỗ và lấy củi. Quá trình đi lại, quản lý ông không Bao giờ thấy ông Hà Văn L và người nhà đến canh tác vì ông Hà Văn L đi miền Nam một thời gian dài, thời gian gần đây mới trở về địa phương.

Ngày 23/12/2022 ông Hà Văn L đến phát rừng, ông báo thôn và xã đến lập biên bản, khi UBND xã Bình P giải quyết việc tranh chấp thì ông Hà Văn L vẫn tiếp tục trồng cây Hồi xuống khu đất tranh chấp.

Ông Đỗ Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết cho hộ ông được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 5.339,7m² và sở hữu 01 cây Bưởi, yêu cầu ông Hà Văn L di dời các cây Hồi trên đất đi nơi khác.

Bị đơn ông Hà Văn L trình bày: Đất rừng đang tranh chấp có địa danh Ngườm T, thuộc thôn Bản C, xã Bình P huyện V. Lũng T C là địa danh chỗ ông Đỗ Văn B sinh sống. Nguồn gốc của đất tranh chấp là do bố mẹ ông tên là Hà Văn C và Triệu Thị H (đều đã chết) chia cho ông từ năm 1995 khi ông lập gia đình, việc chia không lập văn bản, không ai làm chứng, chỉ có mấy anh em trong nhà biết. Từ năm 1982 đến 1993 ông và các anh chị em được trồng ngô, sau đó do đất cần và trâu bò thả rông nhiều nên bỏ không đất không cho ai làm nhờ, nhưng vẫn quản lý. Từ trước đến nay bố, mẹ chưa kê khai quyền sử dụng đất. Năm 1998 ông đi đăng ký kê khai xin cấp GCNQSDĐ nhưng đến nay chưa được cấp, ông quản lý

bình thường nhưng không trồng cây gì. Trước đây ông không canh tác vì nhà neo người, nhiều trâu bò thả rông, ông phải đi làm thuê trong miền Nam thường xuyên nên không trồng cây gì, nhưng ông vẫn quản lý. Đối với đường hào phân ranh giới thửa đất là do ông Đỗ Văn B đào từ năm 2002 cắt lấy đi một số diện tích đất của ông, nhưng ông không có ý kiến gì. Đến tháng 12/2022 ông mới phát dọn để trồng cây Hôi. Quá trình quản lý ông chưa thấy gia đình ông Đỗ Văn B đến canh tác trên đất bao giờ. Năm 1993 ông Đỗ Văn B mua đất với ông G là mua ở chỗ khác, không phải mua chỗ đất đang tranh chấp vì trước đây ông và ông G cùng làm lều trồng nương ở gần nhau nên biết chuyện mua bán đất này. Nay ông yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ đất tranh chấp theo kết quả đo đạc, không chấp nhận di dời cây Hôi.

Những người có quyền lợi liên quan phía nguyên đơn bà Vy Thị L, anh Đỗ Văn Đ, chị Lý Thị H, chị Đỗ Thị Tú L, chị Đỗ Thanh L, chị Đỗ Thị H đều thống nhất với quan điểm trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập và ý kiến khác. Yêu cầu giải quyết cho hộ ông Đỗ Văn B được tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp, di dời các cây Hôi trên đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Bà Hoàng Thị N1 thống nhất với quan điểm trình bày và yêu cầu của ông Hà Văn L, không có yêu cầu độc lập và ý kiến khác. Yêu cầu giải quyết cho hộ ông Hà Văn L được tiếp tục quản lý, sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất, không chấp nhận di dời các cây Hôi trên đất.

Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình P, huyện V trình bày: Địa danh khu đất đang tranh chấp có tên gọi là Lùng T C ngoài ra còn có tên gọi khác là Lùng T và Ngườm T. Vị trí đất tranh chấp trước đây thuộc thôn Bản Sầm xã Bình P, sau khi sáp nhập điều chỉnh địa giới hành chính thuộc thôn Bản C, xã Bình P hiện nay. Từ trước đến nay xã Bình P (cả xã Xuân M cũ) gồm có 02 loại bản đồ là bản đồ giao đất giao rừng năm 1998 và bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 đo vẽ năm 2011. Các thửa đất số 679, 539 và 680 tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01 xã Xuân M cũ (nay là xã Bình P) chưa được quy chủ, chưa được cấp GCNQSDĐ. Thửa đất số 02 trên bản đồ địa chính đã quy chủ cho ông Đỗ Văn B. Các thửa đất trên chưa có ai đăng ký kê khai và chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào. Đất được quy hoạch là đất rừng sản xuất, tài sản được phép tồn tại trên đất. UBND xã Bình P không yêu cầu quản lý mà đề nghị Tòa án giải quyết cho hộ gia đình, cá nhân đang thực tế quản lý, sử dụng diện tích đất.

Những người làm chứng bà Triệu Thị K, ông Linh Văn T trình bày: Ông, bà là con trai và con dâu của ông Linh Văn G, vợ chồng kết hôn từ năm 1974. Năm 1993 ông Linh Văn G bán khu đất tại Lùng T C, thôn Bản Sầm, xã Bình P cho ông Đỗ Văn B với giá 8.000.000 đồng, bà Triệu Thị K trực tiếp nhận tiền tại nhà ông Đỗ Văn B, khi nhận tiền chỉ có vợ chồng ông Đỗ Văn B, không có ai làm chứng, ông bà không nhớ chính xác đã bán cho ông Đỗ Văn B bao nhiêu m² đất, chỉ biết là đã bán cả khu đất có diện tích rất rộng. Từ trước đến khi chuyển nhượng đất gia đình ông, bà không thấy bố mẹ ông Hà Văn L có đất ở khu vực này. Ông Hà Văn L chỉ có một ít đất khoảng 200m² - 300m² cạnh đất nhà ông Đỗ Văn T (khoảng 300m) rồi tiếp đến mảnh đất của gia đình bà đã bán cho ông Đỗ Văn B. Ông Linh Văn T và bà Triệu Thị K khẳng định mảnh đất đang tranh chấp chính là của gia

đình chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn B, khi chuyển nhượng là nương trồng ngô, khoai, không có cây lâu năm.

Ông Đỗ Sỹ C, bà Đỗ Thị K: Gia đình có rừng hồi tại Lũng T C, giáp với đất rừng mà ông Đỗ Văn B và ông Hà Văn L đang tranh chấp. Đất vườn Lũng T C có nguồn gốc là của G (không biết họ) khai phá từ thời kỳ Pháp thuộc, quản lý, sử dụng lâu dài qua nhiều đời. Năm 1993 ông G chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn B, nhưng có giấy tờ hay không ông không biết, từ đó ông Đỗ Văn B quản lý, sử dụng ổn định 30 năm nay để trồng hoa màu ngắn ngày. Khoảng vài năm nay do ông Đỗ Văn B cao tuổi, con cái không giúp được thì mới bỏ không trồng cây gì, nhưng vẫn trông coi thường xuyên. Khu đất vườn đang tranh chấp này ông Đỗ Văn B đã kê khai quyền sử dụng đất hay chưa thì ông, bà không biết. Từ cuối năm 2022 Hà Văn L trồng cây Hồi xuống nên 02 gia đình mới xảy ra tranh chấp.

Ông Đỗ Văn T: Gia đình có rừng hồi tại Lũng T C, giáp với mảnh đất tranh chấp. Do bố, mẹ già yếu nên đã giao lại cho ông canh tác, quản lý. Từ nhỏ ông được vào Lũng T C trồng ngô thường thấy ông Linh Văn G trồng ngô trên mảnh đất đang tranh chấp này, sau này thấy ông Linh Văn G bán hết đất cho ông Đỗ Văn B, diện tích rất rộng khoảng 05ha đến 06ha trong đó có cả phần đất tranh chấp. Ông Hà Văn L không có đất ở Lũng T C.

Ông Nông Xuân H, anh Nông Văn Q: Gia đình có đất tại Lũng T C, thôn Bản S, giáp với đất tranh chấp giữa ông Đỗ Văn B và ông Hà Văn L. Nhưng ông Nông Xuân H, Nông Văn Q ít khi vào khu vườn nên không biết ai đang canh tác, quản lý khu đất tranh chấp.

Ông Nông Văn G: Về nguồn gốc đất tranh chấp theo ông được biết từ mấy chục năm trước là của ông Linh Văn G, nhưng ông Linh Văn G có chuyển nhượng đất cho ai, năm nào hay không thì ông không biết. Vợ chồng ông đều làm việc nhà nước nên hiện nay không biết ai đang canh tác, quản lý và không biết gì về việc tranh chấp.

Ông Chu Văn C, ông Chu Văn T trình bày: Gia đình không có đất tại khu Lũng T C, thôn Bản Sầm xã Bình P, nhưng biết đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Linh Văn G. Sau đó ông Linh Văn G bán lại cho ông Đỗ Văn B, từ nhỏ ông Chu Văn T được cùng bố là Chu Văn C đi hỏi ông Đỗ Văn B để trồng đậu xanh ở mảnh đất vườn này, nhưng sau đó do bị trâu bò phá nên không canh tác nữa. Mảnh vườn này có một bên giáp với rừng hồi của nhà Lê Điệp, một bên giáp với đất nhà anh Tuyên (không biết họ); một bên giáp núi đá, một bên giáp với đất của nhà ông Đỗ Văn B đang quản lý. Thời điểm gia đình trồng đỗ, đi lại chăn trâu, hái củi ở khu vực này thì không thấy nhà ông Hà Văn L có đất ở đây. Mảnh đất này gọi là Lũng T (Lũng T C), còn Ngườm T là 01 cái Hang nhỏ ở dưới chân núi đá gần mảnh đất nhà ông Đỗ Văn B nên có người gọi là Ngườm T. Việc ông Hà Văn L tranh chấp đất của ông Đỗ Văn B là không đúng.

Ông Chu Văn P: Đường vào Lũng T C qua trước cửa nhà ông và gia đình có đất ở gần đó nên ông biết đất tranh chấp giữa ông Đỗ Văn B và ông Hà Văn L có nguồn gốc của ông Linh Văn G, nhưng ông Linh Văn G bán đất ở Lũng T C cho ông B nhưng bán bao nhiêu tiền ông không biết. Ông nghe mọi người nói ông Linh Văn G bán đất cho ông Đỗ Văn B rồi từ đó không thấy ông Linh Văn G canh tác

bao giờ nữa mà ông thấy ông Đỗ Văn B canh tác liên tục, ông khẳng định mảnh đất không phải của ông Hà Văn L.

Ông Chu Văn D: Ông không có đất ở khu Lũng T C, nhưng đường đi đến khu đất qua trước cửa nhà ông nên ông biết phần đất tranh chấp giữa ông Đỗ Văn B và ông Đỗ Văn Lưu tại Lũng T C có nguồn gốc của ông Linh Văn G, ông Linh Văn G đã bán cho ông Đỗ Văn B từ lâu nhưng không nhớ năm nào, việc mua bán ai cũng đều biết, ông Đỗ Văn B đã quản lý ổn định, đất tranh chấp không phải của ông Hà Văn L.

Ông Triệu Văn H: Gia đình ông có rừng Hôi tại Lũng T C, thôn bản S, xã Bình P, giáp với đất của ông Đỗ Văn T và Nông Văn Q, không giáp với khu đất đang tranh chấp giữa ông B và ông L. Ông được biết trước đây ông Linh Văn G có mảnh đất vườn khá rộng ở khu Lũng T C, từ nhỏ đã thấy ông G canh tác, quản lý, sau đó ông G bán cho ông Đỗ Văn B, nhưng bán diện tích bao nhiêu thì ông không nắm được. Do ông ít đi rừng nên nay ai quản lý, sử dụng, canh tác khu đất, bố, mẹ ông Hà Văn L và ông Hà Văn L có đất ở vị trí nào, nay tranh chấp ra làm sao thì ông không biết.

Ông Hoàng Văn T: Ông có mảnh đất rừng tại Lũng T (không phải Lũng T C), giáp với mảnh đất ông Đỗ Văn B và ông Hà Văn L đang tranh chấp. Thỉnh thoảng ông có đến khu đất của gia đình nhưng không để ý đến các thửa đất xung quanh, do vậy không biết ai đang canh tác, quản lý khu đất tranh chấp. Ông Linh Văn G có rất nhiều đất ở khu vực này, nhưng có bán cho ông Đỗ Văn B hay không, ở vị trí nào thì ông ông biết. Không thấy ai nói gì về việc ông Hà Văn L có đất ở khu vực này.

Bà Hoàng Thị N3: Gia đình bà có đất rừng hoi tại Lũng T, thuộc thôn Bản Sầm nhưng đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Sỹ C (con là Đỗ Văn T), rừng của bà giáp với mảnh đất vườn Lũng T mà ông Linh Văn G chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn B. Trước đây do gia đình bà không có đất trồng ngô nên đã hỏi ông Đỗ Văn B xin trồng ngô nhờ trên mảnh đất này, nhưng do bị trâu của người thôn Bản C phá nên gia đình bà không làm nữa. Bố, mẹ ông Hà Văn L và ông Hà Văn L không có đất ở khu Lũng T. Sau khi chồng bà chết thì bà đã bán rừng hoi cho nhà ông Đỗ Sỹ C và trả lại đất vườn cho ông Đỗ Văn B, từ đó bà không vào khu đất này nữa, do vậy nay ông Đỗ Văn B và ông Hà Văn L tranh chấp đất như thế nào bà không nắm được.

Ông Hà Bình D, bà Hà Thị X, ông Hà Văn T1, ông Hà Văn K, bà Hoàng Thị N2, bà Hà Thị V (là các anh, chị em, chị dâu của ông Hà Văn L) thống nhất trình bày: Bố là Hà Văn C và mẹ là Triệu Thị H và các anh, chị được cùng khai phá 01 mảnh đất nương, rẫy tại Ngườm T, thuộc thôn Bản C (xã Xuân M cũ), nay là thôn Bản C, xã Bình P, huyện V từ năm 1979, hàng năm gia đình trồng ngô, trồng đỗ tương, không trồng cây công nghiệp. Trước đây xung quanh là đất rừng rậm chưa ai quản lý. Năm 1993 gia đình bỏ không vì người dân thả rông trâu bò phá hoại hoa màu, làm không được thu hoạch. Năm 1994, 1995 bố, mẹ và anh chị em trong gia đình thống nhất chia khu đất Ngườm T cho ông Hà Văn L quản lý và canh tác. Nay yêu cầu giải quyết cho ông Hà Văn L quản lý, sử dụng mảnh đất tranh chấp.

Ông Chu Xuân N; ông Chu Văn H; ông Chu Văn L; bà Phùng Thị S; ông Hà

Văn T2; ông Triệu Văn T; ông Chu Văn T trình bày: Diện tích đất tranh chấp có tên gọi là Lùng T, về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Hà Văn C (bố ông Hà Văn L) đã quản lý sử dụng và canh tác trên đất như trồng cây ngô, khoai từ trước còn hiện nay ai đang quản lý sử dụng thì các ông, bà không được biết.

Tại Bản án số 05/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn B:

1.1. Hộ ông Đỗ Văn B được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 5.339,7m² có địa danh là Lùng T C, Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, đất thuộc một phần thửa 680, 539, 679 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 xã Bình P và một phần thửa số 02 tờ bản đồ số 19. Các hướng tiếp giáp: Phía Đông Nam giáp rãnh hào (phần còn lại thửa 679), phía Tây giáp phần còn lại thửa 539, phía Nam giáp rãnh hào (phần còn lại thửa 539), phía Tây Bắc giáp núi đá (phần còn lại thửa 680), được thể hiện bởi các điểm A-B-C-D-E-F-G-H-K-L-M-N-O-P-Q-R-S-T trên mảnh trích đo thửa đất *(do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn lập ngày 09/6/2023 kèm theo)*.

1.2. Về tài sản trên đất: Ông Đỗ Văn B được quyền sở hữu 01 cây bưởi và 82 cây hồi trên diện tích đất 5.339,7m². Ông Đỗ Văn B có trách nhiệm thanh toán giá trị 82 cây hồi bằng tiền là 8.200.000 đồng *(Tám triệu hai trăm ngàn đồng)* cho ông Hà Văn L.

1.3. Hộ ông Đỗ Văn B có nghĩa vụ đăng ký kê khai sử dụng đất đai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất nêu trên.

1.4. Hộ ông Hà Văn L và những người liên quan phía bị đơn phải chấm dứt toàn bộ hành vi tranh chấp đối với diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hà Văn L phải chịu toàn bộ các chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định là 17.650.000 đồng *(Mười bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)*. Ông Đỗ Văn B đã tạm ứng trước, nay ông Hà Văn L phải hoàn trả số tiền 17.650.000 đồng *(Mười bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)* cho ông Đỗ Văn B.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Hà Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1 kháng cáo toàn bộ bản án số 05/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn, người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Xử cho ông Hà Văn L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 4.934,7m² và toàn bộ tài sản có trên đất tại Lùng T C, Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Các cây thông nằm trên diện tích đất 405m² thuộc lộ số 78 mà Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã giao quyền quản lý cho ông Đỗ Văn B thì ông Hà Văn L tự giác di dời đi nơi khác.

- Không chấp nhận ông Đỗ Văn B thanh toán cho ông Hà Văn L giá trị 82 cây hồi trên đất với giá 12.000.000 đồng.

- Ông Hà Văn L không nhất trí chịu chi phí tố tụng 17.650.000 đồng mà yêu cầu ông Đỗ Văn B tự chịu số tiền này.

Ông Hà Văn L yêu cầu Tòa án lấy lời khai của 08 người làm chứng gồm ông Chu Văn L; ông Chu Văn N; ông Chu Văn T; bà Phùng Thị S; ông Triệu Văn T; ông Vi Văn H; ông Hà Văn T2; bà Lương Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ông Đỗ Văn B không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Chu Thị Nguyễn P trình bày: Căn cứ vào quá trình quản lý sử dụng đất, căn cứ vào phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa thấy hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng đất thì ông Đỗ Văn B chỉ được UBND huyện V giao quyền quản lý ở lô 78 với diện tích là 405m², Phần diện tích đất tranh chấp còn lại là 4.934,7m² thể hiện trên tờ Bản đồ "Đất chưa giao" chưa thể hiện số lô đất. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hà Văn L. Về chi phí tố tụng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Về án phí: Ông Hà Văn L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị cho ông Hà Văn L được miễn án phí.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Chu Bích T trình bày: Căn cứ vào quá trình quản lý sử dụng đất, cùng các tài liệu chứng cứ khác thấy rằng có việc nguyên đơn cho một số người mượn đất để trồng cây ngắn ngày và đào đường hào trên đất nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ. Về nội dung căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V quyết định hộ ông B được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 5.339,7m² và cây trên đất, ông B có trách nhiệm thanh toán giá trị 82 cây hồi bằng tiền là 8.200.000 đồng cho ông L là chưa

đảm bảo. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn có vi phạm, thiếu sót như sau: Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn B, nhưng không nêu rõ chấp nhận yêu cầu về phần nào và không chấp nhận yêu cầu về phần nào là chưa đầy đủ, khó khăn thi hành án. Về án phí, bản án sơ thẩm buộc ông Đỗ Văn B phải thanh toán cho ông Hà Văn L giá trị 82 cây Hối với số tiền 8.200.000đ nhưng không nhận định, quyết định buộc ông B chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho ông L là chưa đảm bảo. Ngày 02/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Kiến nghị số 95/KN-VKS-DS khắc phục vi phạm trong giải quyết vụ án nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; sửa Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất 405m² thuộc lô số 78, cây trồng trên đất do ông L từ bỏ quyền sở hữu, ông B quản lý, sử dụng không phải thanh toán giá trị cây cho ông L; không chấp nhận đối với diện tích đất 4.934,7m² và tài sản có trên đất. Về chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên tòa triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng đã được triệu tập họp lệ, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời khai rõ tại hồ sơ, xét thấy sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của người kháng cáo bị đơn ông Hà Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nguồn gốc đất tranh chấp cả nguyên đơn và bị đơn đều không có giấy tờ liên quan đến nguồn gốc đất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn Đỗ Văn B cho rằng nguồn gốc đất này là do gia đình ông nhận chuyển nhượng đất của ông Linh Văn G từ năm 1993, giao dịch bằng miệng với giá 8.000.000 đồng, không làm giấy tờ, lúc chuyển nhượng không có người làm chứng, thửa đất mua là liền khối với nhau. Ông Đỗ Văn B khẳng định toàn bộ khu đất ông mua với ông G đã được cấp sổ bìa xanh về quản lý rừng và đất trồng rừng cho ông vào năm 1998. Bị đơn ông Hà Văn L cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do ông cha để lại và được bố mẹ chia cho vào năm 1995. Đối với diện tích đất tranh chấp, ông Hà Văn L chưa đi kê khai và cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Căn cứ Kết luận giám định bản đồ xác định khu đất đang tranh chấp có 405m² trùng với một phần lô 78 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 xã Bình P, huyện V, đã được UBND huyện V giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng cho ông Đỗ Văn B ngày 08/8/1998. Phần diện tích đất tranh chấp còn lại là 4.934,7m² thể hiện trên bản đồ thuộc khu “Đất chưa giao”. Như vậy, đối với diện tích đất tranh chấp 4.934,7m² cả nguyên đơn và bị đơn đều không có giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng đất.

[4] Về quá trình quản lý, sử dụng đất: Nguyên đơn ông Đỗ Văn B cho rằng sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông quản lý trồng ngô, đỗ năm 1995-1996, trồng hời năm 1998 không biết là trồng bao nhiêu cây, hiện không còn cây nào sống trên đất; ông quản lý đất bằng việc đào rãnh hào ngăn trâu, bò và cho một số người làm chứng trồng

cây ngăn ngày trên đất, nay trên đất tranh chấp còn lại 01 gốc cây xoan đã được khai thác năm 2021 - 2022, 01 cây bưởi tự mọc hàng năm ông vẫn thu hái quả. HĐXX thấy rằng bên nguyên đơn cho rằng có quản lý đất bằng việc đào đường hào trên đất nhưng hồ sơ thể hiện là ngăn cách với thửa đất khác không phải thửa đất đang tranh chấp, tại thời điểm xem xét thẩm định trên đất cũng không có cây trồng nào do nguyên đơn trồng.

[5] Bị đơn ông Hà Văn L cho rằng bố mẹ ông canh tác, quản lý từ năm 1979 đến năm 1995 giao cho ông quản lý. Ông được trồng ngô, khoai, hoi sau đó do đất cần và trâu bỏ thả rông nhiều nên bỏ đất không nhưng ông vẫn quản lý. Đến tháng 12 năm 2022 ông mới dọn đất và trồng cây hoi trên đất thì xảy ra tranh chấp. Như vậy cả hai bên nguyên đơn, bị đơn đều không có giấy tờ, không chứng minh được quá trình quản lý hợp pháp, không có tài sản trên đất. Tài sản trên đất là cây hoi do bị đơn trồng chỉ phát sinh sau khi xảy ra tranh chấp.

[6] Đối với nội dung các cây hoi nằm trên diện tích đất 405m² thuộc lô số 78 của ông Đỗ Văn B đã được cấp hồ sơ giao quyền quản lý. Tại phiên tòa ông Hà Văn L từ bỏ quyền sở hữu theo Điều 239 Bộ luật dân sự, do đó ông Đỗ Văn B được quyền quản lý, sử dụng không phải thanh toán giá trị cây cho ông Hà Văn L.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về yêu cầu được quản lý sử dụng đối với diện tích 4.934,7m², HĐXX thấy theo quy định của pháp luật, nguyên đơn là người có yêu cầu khởi kiện yêu cầu được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 5.339,7m² và trong suốt quá trình giải quyết vụ án do bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập đối với diện tích đất tranh chấp là 4.934,7m² nên HĐXX không có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo này. Nếu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Việc Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét giải quyết vụ án đã không xem xét đánh giá chứng cứ một cách quan toàn diện, không đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối với hồ sơ giao đất, giao rừng năm 1998 đã giao cho ông Đỗ Văn B quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là không có cơ sở để chấp nhận, ngoài ra cấp sơ thẩm còn có vi phạm theo Kiến nghị số 95/KN-VKS-DS, ngày 02/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã chỉ ra. Vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn B chỉ được HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận một phần với diện tích đất là 405m² và tài sản trên đất tranh chấp.

[9] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn B chỉ được chấp nhận một phần nên ông Đỗ Văn B phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần không được chấp nhận. Bị đơn ông Hà Văn L phải chịu chi phí tố tụng đối với phần diện tích được HĐXX chấp nhận giao cho nguyên đơn ông Đỗ Văn B. Ông Đỗ Văn B đã nộp toàn bộ số tiền là 17.650.000 đồng chi phí tố tụng nên xác nhận ông Đỗ Văn B đã nộp đủ số tiền 16.312.000 đồng; ông Hà Văn L phải hoàn trả ông Đỗ Văn B 1.338.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến nào phù hợp với nhận định nêu trên thì được chấp nhận, ý kiến không phù hợp thì không được chấp nhận.

[11] Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần sửa Bản án dân sự số 05/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó ông Hà Văn L, bà Hoàng Thị N1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo về nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng đối với diện tích đối với diện tích 4.934,7m²; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng đối với diện tích 4.934,7m².

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ các Điều 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, 169, 170, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 239 Bộ luật dân sự; Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ Luật Tố tụng dân sự

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quyền sử dụng đất:

1.1 Hộ ông Đỗ Văn B được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 405m² được xác định tại điểm 2-G-K-M-1 (*Kèm theo sơ đồ chồng, ghép khu đất tranh chấp của Kết luận giám định tư pháp ngày 24/7/2023*).

1.2. Về tài sản trên đất: Hộ ông Đỗ Văn B được quyền sở hữu các cây trồng trên diện tích đất 405m². Xác nhận ông Hà Văn L từ bỏ quyền sở hữu các cây hồi trên diện tích đất 405m².

2. Hộ ông Đỗ Văn B có nghĩa vụ đăng ký kê khai sử dụng đất đai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất tại mục 1.1 và 1.2

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Nguyên đơn ông Đỗ Văn B phải chịu 16.312.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ông Đỗ Văn B đã nộp đủ.

3.2. Bị đơn ông Hà Văn L phải chịu 1.338.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Hà Văn L phải hoàn trả cho ông Đỗ Văn B số tiền 1.338.000 đồng (một triệu ba trăm ba tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Ông Hà Văn L và bà Hoàng Thị N1 không phải chịu án phí phúc thẩm và được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm. Ông Đỗ Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND H. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS H. V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Chu Long Kiếm

